

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31 - 12 - 2021

V/v: “Ly hôn, chia tài sản
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trương và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc: “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 1, ấp Đ, xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Ông **Mai Văn Th**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 1, ấp Đ, xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2021 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:*

Bà và ông Mai Văn Th chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng từ đó đến nay, ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung, bà và ông Th thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô sát với nhau rất nhiều lần. Từ năm 2014, vợ chồng không còn quan tâm gì đến. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Văn Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 04 (bốn) con chung là: Mai Văn Q, sinh năm 1989, Mai Văn Đ, sinh năm 1991, Mai Thị P, sinh năm 1995 và Mai Văn C, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung gồm: 40 cây sầu riêng có trị giá 80.000.000 đồng, 145 cây chôm chôm có trị giá 145.000.000 đồng và 50 cây điều có trị giá 25.000.000 đồng, tổng cộng tài sản chung là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Toàn bộ số cây trên được trồng trên diện tích 15.657 m² thuộc các thửa 23.1 và 35.1 tờ bản đồ số 3 xã T S, huyện Tân Phú thuộc quyền quản lý của UBND xã T S, huyện Tân Phú. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án chia đôi trị giá tài sản là cây trồng, mỗi người nhận một nửa tương đương số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà và ông Th đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết chia tài sản chung. Vì vậy, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà tự nguyện chịu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/11/2021, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Mai Văn Th trình bày:*

Ông và bà Trương Thị T tìm hiểu rồi chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức hôn lễ theo nghi thức tôn giáo (đạo Công giáo) tại nhà thờ. Từ trước cho đến nay, ông và bà T không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung, giữa ông và bà T cũng có xảy ra xích mích, cãi vã với nhau. Ông không còn tình cảm gì với bà T nhưng theo đạo Công giáo là không được phép ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn với bà T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà T có 04 (bốn) con chung là Mai Văn Q, sinh năm 1989, Mai Văn Đ, sinh năm 1991, Mai Thị P, sinh năm 1995 và Mai Văn C, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà T đã thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung và bà T đã rút yêu cầu về việc chia tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu thì ông cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 28, 35, 39, 147 của bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị T và ông Mai Văn Th là vợ chồng. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Nguyên đơn rút yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Mai Văn Th cư trú tại ấp Đ, xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà T khởi kiện đối với ông Th. Vì vậy, căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà T là nguyên đơn, ông Th là bị đơn trong vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, do nguyên đơn có yêu cầu chia tài sản chung nên xác định Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Tân Phú là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung. Vì vậy, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Tân Phú nên Hội đồng xét xử xác định Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Tân Phú không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự thừa nhận đã chung sống với nhau năm 1989 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; lời khai của các đương sự phù hợp với Phiếu trả lời kết quả ngày 17/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và Xác nhận ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai trong Đơn xin xác nhận ngày 09/11/2021 của bà Trương Thị T. Trong thời gian sống,

các đương sự xảy ra mâu thuẫn nên bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Văn Th.

Do đó, tình tiết các đương sự chung sống với nhau từ năm 1989 và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án xét xử vụ án, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị T và ông Mai Văn Th là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông Th có 04 (bốn) con chung là: Mai Văn Q, sinh năm 1989, Mai Văn Đ, sinh năm 1991, Mai Thị P, sinh năm 1995 và Mai Văn C, sinh năm 1998. Hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn đã rút yêu cầu về việc chia tài sản chung khi ly hôn và các đương sự khác không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Vì vậy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4.] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.] Về chi phí tố tụng: Số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí Xem xét, thẩm định tại chỗ bà T đã nộp. Bà T đã rút yêu cầu về việc chia tài sản chung và tự nguyện chịu tiền chi phí Xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, bà T phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 157; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 9, 14, 51, 53, 57, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;
- Điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;
- Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Trương Thị T và ông Mai Văn Th là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Bà T và ông Th có 04 (bốn) con chung là: Mai Văn Q, sinh năm 1989, Mai Văn Đ, sinh năm 1991, Mai Thị P, sinh năm 1995 và Mai Văn C, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

1.4 Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí Xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà T đã nộp đủ.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 3.425.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002025 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Trả lại bà T 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam